BỆNH NỘI KHOA
内科病

Phổi:
肺臓:
Tim:
心臓:
Gan:
肝臓:
Lách:
脾臓:
Dạ dày:
胃:
Ruột:
腸:
Hậu môn:
アヌス:

NORMAL

BSCKII. Phạm Hoàng Minh Nhựt

BỆNH NGOẠI KHOA
外科病

Giãn tĩnh mạch:
心臓脈伸び:
Sa ruột:
ヘルニア:
Trĩ:
痔:
Khối u lành tính:
良性腫瘍:

Chưa ghi nhận bất thường

NORMAL

Bs. Lâm Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM ĐA KHOA QUỐC TẾ GOLDEN HEALTHCARE
S.Đ.N: 0315088417 - C.T.C.P
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

HỆ VẬN ĐỘNG
運動系

Cột sống:
背骨:
Chi trên:
上肢:
Chi dưới:
下肢:
Tình trạng các khớp xương:
関節状態:

NORMAL

BỆNH CHUYÊN KHOA
専科病

MẮT:
THỊ LỰC: - Có kính (số kính.....D)
視力: - メガネあり (メガネ号.....D)
- Không kính:
- メガネなし:
- Các bệnh về mắt:
目に関する病気:

Mắt phải: 1.2
右目:
Mắt phải:
右目:

Mắt trái: 1.0
左目:
Mắt trái:
左目:

Hai mắt bình thường

Tật khúc xạ
both eyes: Refractive Error

BS. CKI. Dương Thị Ánh

BỆNH MÙ MÀU:
色盲:

NEGATIVE

TAI MŨI HỌNG:
耳鼻咽喉:

Ths.Bs Đặng Quốc Bảo

THÍNH LỰC: Nói thường cách 5m:
聴力: 5m 離れて正常喋る

Tai phải: 5m
右耳:
Tai trái: 5m
左耳:

Nói thầm cách 0.5m:
0.5m 離れてささやく:

Tai phải: 0.5m
右耳:
Tai trái: 0.5m
左耳:

Bệnh về tai:
耳に関する病気:
Miệng:
口:
Viêm mũi dị ứng
Phát âm:
発音:
Họng:
喉:
RĂNG HÀM MẶT:
歯:

SN: 90

Ths.Bs.Thái Thanh Huy

Bệnh ngoài da:
皮膚病:
Bệnh hoa liễu:
性病:
Bộ phận sinh dục:
性器:
妊娠:

NORMAL

Bệnh nội tiết:
内分泌病:
Bệnh tâm thần, thần kinh:
精神疾患、神経:
Bệnh nghề nghiệp:
職業病:

BỆNH KHÁC
その他の病気

KẾT QUẢ CHIẾU, CHỤP X QUANG
レントゲン撮影結果

NORMAL

SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT
全体腹部超音波検査

NORMAL